Một số kết quả bước đầu về chuyển đổi mô hình tăng trưởng phù hợp với mục tiêu cam kết của Việt Nam tại (COP26) đưa phát thải ròng về "0" vào năm 2050

CHU THỊ THANH HƯƠNG
Cục Biến đổi khí hậu, Bộ TN&MT

Trong năm 2022, với trách nhiệm là cơ quan Thường trực Ban chỉ đạo Quốc gia triển khai cam kết của Việt Nam tại Hội nghị lần thứ 26 các bên tham gia Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu (COP26), Bộ TN&MT đã theo dõi, đôn đốc các Bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp thực hiện tốt nhiệm vụ có liên quan và có được những kết quả ban đầu.

▲ *Thế giới đặt mục tiêu phát thải ròng bằng "0", chậm nhất đến năm 2050*

1. TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG TẠI CÁC BỘ, NGÀNH

Theo đó, các Bộ, ngành, cơ quan đã xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt các Đề án, Chiến lược, Chương trình/Kế hoạch hành động để triển khai thực hiện cam kết của Việt Nam tại COP26 của quốc gia, bao gồm: (i) Chiến lược quốc gia về BĐKH giai đoạn đến năm 2050; (ii) Đề án những nhiệm vụ, giải pháp triển khai kết quả Hội nghị lần thứ 26 các bên tham gia Công ước khung của Liên hợp quốc về BĐKH; (iii) Kế hoạch hành động giảm phát thải khí mê tan đến năm 2030…

Hiện nay, một số Bộ, ngành đã và đang xây dựng Kế hoạch hành động của ngành triển khai cam kết của Việt Nam tại COP26 (Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Công Thương, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Xây dựng, Ngoại giao).

Đồng thời, Chính phủ ban hành Nghị định số 06/2022/NĐ-CP về quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn ngày 7/1/2022.

Báo cáo Đóng góp do quốc gia tự quyết định của Việt Nam (NDC) năm 2022 đã được cập nhật và được Thủ tướng Chính phủ thông qua, gửi Ban thư ký Công ước khung Liên hợp quốc về BĐKH (UNFCCC) ngày 8/11/2022.

Tuyên bố chính trị thiết lập quan hệ đối tác về chuyển đổi năng lượng công bằng (JETP) giữa Việt Nam và Nhóm đối tác quốc tế (IPG) bao gồm Liên minh châu Âu, Vương quốc Anh, Pháp, Đức, Mỹ, Italy, Canađa, Nhật Bản, Na Uy và Đan Mạch đã được công bố ngày 14/12/2022, theo đó, JETP sẽ huy động khoản tài chính công và tư ban đầu trị giá 15,5 tỷ USD trong vòng 3 đến 5 năm tới để hỗ trợ quá trình chuyển đổi xanh của Việt Nam.

Bộ TN&MT đang phối hợp với Bộ Tài chính xây dựng Đề án phát triển thị trường các bon tại Việt Nam và phối hợp với các Bộ, ngành liên quan triển khai áp dụng Cơ chế phát triển sạch (CDM), Cơ chế tín chỉ chung (JCM) và sẽ triển khai áp dụng Cơ chế SDM sau khi quy định chi tiết được thông qua; Xây dựng Báo cáo kế hoạch quốc gia thích ứng với BĐKH cho Ban thư ký Công ước khung của Liên hợp quốc về BĐKH, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét phê duyệt.

Mặt khác, Bộ TN&MT đang phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan nghiên cứu, dự thảo Cơ chế điều phối hợp tác với các đối tác phát triển thực hiện mục tiêu đạt phát thải ròng bằng "0", thích ứng với BĐKH. Đồng thời, tích cực tiếp cận, thúc đẩy quan hệ với Chính phủ các nước, các tổ chức, định chế tài chính quốc tế, quỹ tín dụng quốc tế và khu vực tư nhân để vận động các nguồn hỗ trợ, viện trợ không hoàn lại, các nguồn hỗ trợ tài chính, đầu tư và công nghệ xanh, các chương trình hợp tác song phương và đa phương và các khoản vay ưu đãi khác, hỗ trợ các doanh nghiệp tư nhân trong nước

đầu tư nghiên cứu và phát triển công nghệ cao. Xác định được 8 nhóm ưu tiên hợp tác hỗ trợ với các đối tác phát triển hợp tác với Việt Nam.

Các Bộ, ngành đang tổ chức đánh giá, kiểm kê phát thải khí nhà kính của các doanh nghiệp, cơ sở nhằm gắn trách nhiệm thực hiện giảm phát thải theo cam kết tại COP26. Theo đó, các cơ sở quy định tại Quyết định số 01/2022/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ có trách nhiệm cung cấp số liệu hoạt động vào năm 2023 cho các Bộ quản lý lĩnh vực để các Bộ xây dựng báo cáo kiểm kê khí nhà kính cấp cơ sở lần đầu tiên. Trong giai đoạn từ nay tới năm 2024, các Bộ quản lý lĩnh vực xây dựng các Thông tư hướng dẫn kỹ thuật về kiểm kê khí nhà kính và Hệ thống đo đạc, báo cáo, thẩm định (MRV) về giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cho cấp lĩnh vực và cơ sở.

Bộ TN&MT báo cáo tiềm năng năng lượng gió, sóng ngoài khơi tại các vùng biển Việt Nam đã được xây dựng và công bố. Các quy định hiện hành nhằm phát hiện những vướng mắc liên quan đến việc giao khu vực biển để phát triển các dự án điện gió ngoài khơi tại Việt Nam đang được rà soát.

Bộ Công Thương, triển khai Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã được rà soát, hoàn thiện và trình Thủ tướng Chính phủ. Chương trình giảm dần việc sử dụng năng lượng hóa thạch trong ngành năng lượng, lồng ghép trong quá trình xây dựng Quy hoạch điện 8 và Chiến lược Phát triển năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đang được nghiên cứu, xây dựng. Dự thảo cơ chế xác định giá bán điện gió và điện mặt trời thực hiện theo cơ chế thị trường, cạnh tranh lành mạnh và Dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về thí điểm cơ chế mua bán điện trực tiếp giữa đơn vị phát điện từ năng lượng tái tạo với khách hàng sử dụng điện lớn đang được lấy ý kiến và tổ chức thẩm định.

Tìm hiểu khả năng tham gia Cơ quan Năng lượng Tái tạo Quốc tế (IRENA) và Liên minh Năng lượng Mặt trời Quốc tế (ISA), thành lập Trung tâm Năng lượng tái tạo, triển khai nhiệm vụ đánh giá Cơ chế điều chỉnh các bon biên giới (CBAM) tác động đến các ngành hàng xuất khẩu.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã ký kết các thỏa thuận hợp tác thực hiện cam kết COP26 với Cơ quan Hợp tác quốc tế Hàn Quốc (KOICA), Bộ Môi trường Hàn Quốc, Bộ Khoa học Trái đất Ấn Độ, Tổ chức Tài chính quốc tế (IFC), Ngân hàng Citi Bank, Ngân hàng BIDV, HSBC, Ngân hàng Standard Chattered về các nội dung hợp tác để triển khai các cam kết của COP26. Làm việc với các định chế tài chính trong và ngoài nước như ADB, CitiBank, BIDV, IFC, HSBC, SCB để trao đổi, đánh giá các giải pháp nhằm huy động tài chính, nguồn lực của khối tư nhân trong việc triển khai các cam kết tại COP26.

Trong khuôn khổ Hội nghị COP27, Bộ trưởng Bộ TN&MT đã chủ trì Hội nghị bàn tròn về thu hút tài chính hỗ trợ Việt Nam thực hiện chuyển đổi năng lượng, thích ứng với BĐKH. Hội nghị do Liên minh tài chính Glasgow vì mục tiêu phát thải ròng bằng "0" (GFANZ) tổ chức. GFANZ là Liên minh toàn cầu gồm nhóm các tập đoàn và ngân hàng hàng đầu cam kết hỗ trợ quá trình trung hòa các bon, ứng phó với BĐKH của các quốc gia trên thế giới. Tham dự Hội nghị còn có ông Alok Shama, Chủ tịch COP26; ông Rick Duke, Phó đặc phái viên Tổng thống Hoa Kỳ về BĐKH; ông Mark Carney, Chủ tịch Liên minh GFANZ; ông Frans Timmermans, Phó Chủ tịch Ủy ban châu Âu; đại diện các ngân hàng phát triển đa phương và các định chế tài chính quốc tế.

Bộ NN&PTNT, Dự thảo Kế hoạch triển khai Tuyên bố Glasgow về rừng và sử dụng đất đã được xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ tháng 11/2022. Báo cáo rà soát các dự án trao đổi tín chỉ các bon rừng, triển khai các sáng kiến thuộc lĩnh vực nông nghiệp đã tham gia tại Hội nghị COP26 đang được hoàn thiện.

Bộ Giao thông vận tải thực hiện nâng cao năng lực quản lý và giảm phát thải khí nhà kính, trong đó có xây dựng Hệ thống đo đạc, báo cáo, thẩm định (MRV) giảm phát thải khí nhà kính cho lĩnh vực chất thải và các cơ sở phát thải ngành giao thông vận tải; xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật về sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả đối với phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; xây dựng cơ chế, chính sách và lộ trình phát triển phương tiện giao thông điện (E-mobility) cho cấp quốc gia và một thành phố. Thực hiện các quy định của Tổ chức Hàng hải quốc tế (IMO) trong các hoạt động vận tải.

Bộ Xây dựng đang triển khai nghiên cứu, đề xuất lộ trình phát triển hạ tầng đô thị xanh.

Bộ Khoa học và Công nghệ đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu phát triển, ứng dụng năng lượng tái tạo, năng lượng mới như: năng lượng mặt trời, gió, hydro... và tiếp thu, thúc đẩy phát triển, ứng dụng công nghệ lò phản ứng hạt nhân, ứng dụng công nghệ bức xạ tiên tiến, kỹ thuật hạt nhân, kỹ thuật đồng vị có đóng góp trực tiếp, quan trọng cho ứng phó biến đổi khí hậu thông qua Chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia; rà soát, sửa đổi, bổ sung, thay thế, xây dựng mới và công bố các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia liên quan đến năng lượng mới, năng lượng tái tạo và công nghệ ứng phó với biến đổi khí hậu; rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách liên quan đến thúc đẩy chuyển giao công

nghệ tiên tiến nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu (Tích cực tham gia và triển khai các dự án hợp tác kỹ thuật trong khuôn khổ Chương trình quốc gia hợp tác giữa Cơ quan Năng lượng nguyên tử quốc tế và Việt Nam giai đoạn 2022-2027; Dự án ứng dụng hạt nhân trong giải quyết dịch bệnh có nguồn gốc động vật (Dự án ZODIAC) và giải quyết rác thải nhựa đại dương (NUTECH Plastic).

Ngân hàng Nhà nước tiếp tục hoàn thiện hệ thống văn bản, chính sách để quy định, hướng dẫn về phát triển ngân hàng xanh; đề xuất, xây dựng các nội dung vè nguồn lực tài chính thực hiện Chiến lược quốc gia về Tăng trưởng xanh; nghiên cứu, xây dựng cơ chế, chính sách, chiến lược, dự án thúc đẩy áp dụng các biện pháp công nghệ trong cung ứng dịch vụ ngân hàng, thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt góp phần xanh hóa ngân hàng.

2. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CỦA CÁC ĐỊA PHƯƠNG

Các địa phương bước đầu đã nhận thức và tổ chức triển khai, quán triệt về các cam kết của Việt Nam tại Hội nghị COP26, đặc biệt về mục tiêu giảm phát thải ròng bằng "0" vào năm 2050 thông qua thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật và hướng dẫn bảo vệ môi trường, ứng phó với BĐKH; tăng cường năng lực và nhận thức của đội ngũ cán bộ; tổ chức triển khai Thỏa thuận Paris và các kế hoạch hành động ứng phó với BĐKH; tuyên truyền các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân sử dụng các nguồn năng lượng xanh; đôn đốc, hướng dẫn các cơ sở trên địa bàn thuộc đối tượng phải kiểm kê khí nhà kính theo Quyết định số 01/2022/QĐ-TTg ngày 18/1/2022 của Thủ tướng Chính phủ xây dựng kế hoạch, lộ trình giảm nhẹ phát thải khí nhà kính phù hợp với điều kiện sản xuất kinh doanh.

Một số địa phương đã chủ động thực hiện các giải pháp quản lý, bảo vệ rừng và xây dựng đề án thí điểm kinh doanh tín chỉ các bon rừng; thực hiện các giải pháp trong nông nghiệp nhằm thích ứng với BĐKH, phát triển nông nghiệp bền vững. Chú trọng khai thác tiềm năng phát triển năng lượng tái tạo, kêu gọi đầu tư phát triển các dự án năng lượng tái tạo, đặc biệt là điện mặt trời, điện gió.

Các địa phương có biển đã tiến hành giao các khu vực biển để thực hiện các dự án điện gió gần bờ theo thẩm quyền như Cà Mau 08 dự án; Bạc Liêu 3 dự án; Trà Vinh 5 dự án; Sóc Trăng 3 dự án; Bến Tre 4 dự án; Tiền Giang 1 dự án… đồng thời xúc tiến kêu gọi các doanh nghiệp tiếp tục đầu tư phát triển các dự án năng lượng tái tạo trên địa bàn quản lý.

3. TĂNG CƯỜNG SỰ THAM GIA CỦA KHỐI DOANH NGHIỆP

Thực hiện cam kết của Việt Nam tại Hội nghị COP26, các Tổng Công ty, Tập đoàn nhà nước bước đầu đã nghiên cứu và giảm dần các nguồn năng lượng hóa thạch: Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam (Vinataba) đã chỉ đạo các đơn vị thay thế dần lò hơi sử dụng nhiên liệu than đá, than cám tạo hơi báo hòa sang lò hơi sử dụng nhiên liệu hữu cơ thân thiện với môi trường là mùn cưa, vỏ trấu. Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam đẩy mạnh trồng rừng mới để nâng cao độ che phủ của rừng để hấp thụ khí thải nhà kính, đồng thời chấm dứt trợ cấp cho ngành công nghiệp sử dụng nhiên liệu hóa thạch, có chính sách hoàn trả các bon dành riêng các ngành công nghiệp hoặc nông nghiệp khó cắt giảm khí thải, tiếp tục triển khai thí điểm thương mại các-bon rừng với quỹ đối tác các bon lâm nghiệp. Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT), Tổng Công ty Viễn thông MobiFone đã đồng hành cùng các Bộ, ngành, các doanh nghiệp chuyển đổi số tạo đòn bẩy cho phát triển kinh tế. Một số tập đoàn đa quốc gia như Nestle, Equinor, Grab… sẵn sàng hợp tác với các cơ quan thuộc Chính phủ để thực hiện mục tiêu đạt phát thải ròng bằng "0" trong các hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

Các doanh nghiệp, tập đoàn lớn trong nước cũng hành động ngay cùng Chính phủ như Tập đoàn Vin Group mở rộng quy mô và phạm vi sản xuất và cung cấp xe điện, xây dựng Nhà máy sản xuất pin cung cấp cho thị trường xe điện trong nước và quốc tế; Tập đoàn T&T đầu tư các dự án điện gió ngoài khơi; Tập đoàn TGS đầu tư xây dựng các dự án Nhà máy sản xuất hydro xanh đầu tiên tại Trà Vinh, Bến Tre và Cà Mau với công suất của mỗi Nhà máy hằng năm ước tính từ 30.000 - 36.000 tấn hydro xanh, dự kiến đầu năm 2025 vận hành và ra sản phẩm hydro xanh. Tập đoàn Sanofi đang triển khai dự án Nhà máy sản xuất năng lượng sinh khối từ trấu…

Việt Nam đang trở thành điểm đến hấp dẫn của các nhà đầu tư, tập đoàn năng lượng lớn trên thế giới mong muốn phát triển các dự án điện gió ngoài khơi. Đến nay có 41 hồ sơ của các doanh nghiệp trong và ngoài nước xin phép đo đạc, khảo sát, đánh giá tài nguyên năng lượng gió trên biển thuộc thẩm quyền của cơ quan Trung ương. Ngoài ra các địa phương có biển cũng đang xem xét hồ sơ của hàng chục tổ chức, cá nhân đề xuất khảo sát, xin được giao khu vực biển để thực hiện các dự án điện gió. Một số tập đoàn lớn đang tiến hành nghiên cứu, đề xuất các dự án điện gió ngoài khơi tại Việt Nam như Macquarie (Ôxtrâylia), Orsted (Đan Mạch), Scatec và Equinor (Na Uy), Enterprize Energy (Vương quốc Anh) với diện tích khu vực biển đề xuất được đo đạc, khảo sát là hơn 1 triệu ha■

Xác định định mức chi phí tái chế (Fs) để thực hiện trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất (EPR)

NGUYỄN THI
Vụ Pháp chế, Bộ Tài nguyên và Môi trường

Theo quy định của Luật BVMT năm 2020 và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/1/2022 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật BVMT, nhà sản xuất, nhập khẩu một số loại sản phẩm (pin - ắc quy, dầu nhớt, săm lốp, điện - điện tử, phương tiện giao thông) và một số bao bì (thực phẩm, mỹ phẩm; thuốc; phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y; chất tẩy rửa, chế phẩm gia dụng, nông nghiệp, y tế; xi măng) sẽ có trách nhiệm tái chế các sản phẩm, bao bì đó theo tỷ lệ tái chế bắt buộc và quy cách tái chế bắt buộc theo lộ trình của Chính phủ quy định.

Theo đó, trách nhiệm tái chế sản phẩm, bao bì sẽ được nhà sản xuất, nhập khẩu các sản phẩm gồm pin - ắc quy, săm lốp, dầu nhớt và bao bì (bao bì thương phẩm của thực phẩm, mỹ phẩm, thuốc, phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y, chất tẩy rửa, xi măng thương phẩm) thực hiện từ ngày 1/1/2024; nhà sản xuất, nhập khẩu các sản phẩm điện, điện tử sẽ thực hiện trách nhiệm tái chế từ ngày 1/1/2025; các nhà sản xuất, nhập khẩu các sản phẩm phương tiện giao thông sẽ thực hiện trách nhiệm tái chế từ ngày 1/1/2027.

Nhà sản xuất, nhập khẩu được lựa chọn một trong hai hình thức thực hiện trách nhiệm tái chế của mình, đó là tự mình tổ chức tái chế hoặc đóng góp tài chính vào Quỹ BVMT Việt Nam để hỗ trợ tái chế sản phẩm, bao bì. Trường hợp nhà sản xuất, nhập khẩu chọn đóng góp tài chính để hỗ trợ tái chế sản phẩm, bao bì (không tự mình thực hiện tái chế) thì số tiền đóng góp theo từng loại sản phẩm, bao bì được tính theo công thức:

F = R x V x Fs

F là tổng số tiền mà nhà sản xuất, nhập khẩu phải nộp theo từng loại sản phẩm, bao bì (đơn vị tính: đồng).

R là tỷ lệ tái chế bắt buộc của từng loại sản phẩm, bao bì (đơn vị tính: %).

V là khối lượng sản phẩm, bao bì sản xuất, nhập khẩu (đơn vị tính: kg).

Fs là định mức chi phí tái chế hợp lý, hợp lệ đối với một đơn vị khối lượng sản phẩm, bao bì, bao gồm chi phí phân loại, thu gom, vận chuyển, tái chế sản phẩm, bao bì và chi phí quản lý hành chính hỗ trợ thực hiện trách nhiệm tái chế của nhà sản xuất, nhập khẩu (đơn vị tính: đồng/kg).

Việc xác định Fs sẽ quyết định đến thực hiện trách nhiệm của nhà sản xuất, nhập khẩu. Nó định lượng trách nhiệm của nhà sản xuất sẽ phải dự toán bao nhiêu cho việc thực hiện trách nhiệm của mình và là một trong những yếu tố để nhà sản xuất sẽ cân nhắc việc thực hiện theo hình thức tự tổ chức tái chế hay đóng tiền vào Quỹ BVMT Việt Nam. Vậy, việc xác định Fs này được thực hiện theo nguyên tắc và phương pháp nào?

Nguyên tắc xác định Fs

Fs là yếu tố quan trọng trong cơ chế EPR bởi xuất phát từ hai mục tiêu. *Thứ nhất,* tạo ra nguồn tài chính tương đối ổn định tương ứng với lượng sản phẩm, bao bì mà nhà sản xuất, nhập khẩu đưa ra thị trường để thực hiện hoặc hỗ trợ việc thu gom, tái chế sản phẩm, bao bì và xử lý chất thải phát sinh trong các hoạt động này. *Thứ hai,* tác động đến quá trình thiết kế, sản xuất, phân phối và tiêu dùng nhằm giảm bớt trách nhiệm của nhà sản xuất thông qua việc thay đổi thiết kế sản phẩm, thay đổi việc sử dụng bao bì, sử dụng vật liệu thân thiện với môi trường, kéo dài vòng đời sản phẩm, dễ thu gom, tái chế. Fs chính là yếu tố để thúc đẩy hai mục tiêu trên vì sẽ trực tiếp tạo ra quỹ để thực hiện việc hỗ trợ thu gom, tái chế sản phẩm bao bì khi nhà sản xuất lựa chọn hình thức nộp tiền vào Quỹ BVMT Việt Nam; đồng thời sẽ tác động đến thị trường tái chế trong việc hình thành hoặc điều chỉnh chi phí tái chế trên thị trường. Cả hai tác động trên đều buộc nhà sản xuất, nhập khẩu phải thúc đẩy mục tiêu thứ hai nhằm giảm bớt khoản tiền phải bỏ ra để thu gom, tái chế sản phẩm, bao bì.

Chính vì vậy, nguyên tắc xác định Fs là rất quan trọng để đạt được mục tiêu của EPR cũng như bảo đảm tính khả thi của cơ chế EPR.

Nguyên tắc thứ nhất, tuân thủ quy định về Fs, theo đó, Fs phải là chi phí hợp lý, hợp lệ đối với một đơn vị khối lượng sản phẩm, bao bì, bao gồm chi phí phân loại, thu gom, vận chuyển, tái chế sản phẩm, bao bì và chi phí quản lý hành chính hỗ trợ thực hiện trách nhiệm tái chế của nhà sản xuất, nhập khẩu. Đây là những chi phí cơ bản trong việc phân loại, thu gom, tái chế sản phẩm bao bì; đối với chi phí quản lý hành chính hỗ trợ thực hiện trách nhiệm tái chế của nhà sản xuất nhập khẩu, đây chính là phần chi phí được trích ra để phục vụ hoạt động quản lý, vận hành hệ thống EPR của Hội đồng EPR quốc gia, Văn phòng EPR Việt Nam và Quỹ BVMT Việt Nam theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

Với nguyên tắc này, Fs sẽ có xu hướng cao hơn chi phí tái chế thực tế của thị trường do phải tính đến chi phí quản lý hành chính. Quy định này nhằm thực thi nguyên tắc

khuyến khích nhà sản xuất nhập khẩu tự tổ chức tái chế (tự mình thu gom tái chế hoặc thuê đơn vị tái chế hoặc ủy quyền cho bên thứ ba thực hiện trách nhiệm EPR), cuối cùng mới là cách đóng tiền vào Quỹ BVMT Việt Nam.

Nguyên tắc thứ hai: Fs được xác định trên cơ sở tính toán đến thiết kế và thành phần vật liệu của sản phẩm, bao bì. Đối với sản phẩm, bao bì được thiết kế dễ thu gom, tái chế thì Fs có xu hướng thấp hơn. Như đã nêu trên, mục tiêu quan trọng nhất của EPR chính là thúc đẩy nhà sản xuất thay đổi thiết kế để hướng tới sản phẩm thân thiện với môi trường, dễ thu gom, tái chế, nên khi xác định Fs phải tính đến các yếu tố này, để Fs thấp hơn chi phí tái chế cơ bản của cùng sản phẩm, bao bì được đưa ra thị trường. Các yếu tố này có thể tính đến việc sử dụng ít vật liệu khác nhau trong cùng sản phẩm, bao bì; dễ dàng phân biệt, phân loại, tách các vật liệu khác nhau ra khỏi sản phẩm, bao bì; màu sắc của sản phẩm, bao bì…

Nguyên tắc thứ ba: Fs được xác định bảo đảm tính khả thi, phù hợp với thực tiễn sản xuất, tái chế, sự phát triển của hạ tầng tái chế Việt Nam và tuân theo nguyên tắc thị trường. Đây là nguyên tắc định hướng, bảo đảm Fs được sự đồng thuận cao của đa số các nhà sản xuất, nhập khẩu và các nhà tái chế, xử lý. Bởi Fs không chỉ quyết định đến số tiền mà nhà sản xuất, nhập khẩu đóng góp vào Quỹ BVMT mà còn ảnh hưởng lớn đến giá cả thu gom, tái chế trên thị trường trong nước.

Vậy phương pháp xác định Fs như thế nào?

Hiện nay, các chuyên gia nghiên cứu, các nhà sản xuất, nhập khẩu đang thảo luận để lựa chọn phương pháp xác định Fs, trong đó nổi lên ba phương pháp chính:

Phương pháp thứ nhất, xác định mức chi phí tái chế cơ bản và chi phí tái chế nâng cao do Viện Khoa học và Công nghệ môi trường (INEST), Đại học Bách khoa Hà Nội đề xuất:

- Định mức chi phí tái chế cơ bản là định mức được xác định trên cơ sở các chi phí trung bình trong quá trình thu gom và chi phí tối thiểu trong tái chế để đạt được quy cách tái chế tối thiểu quy định tại cột 5 Phụ lục XXII Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Chi phí tối thiểu trong tái chế để đạt được quy cách tái chế tối thiểu quy định tại cột 5 Phụ lục XXII Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được các chuyên gia, nhà tái chế đánh giá là có thể xác định dựa trên các chi phí được định lượng trong quá trình tái chế và mức khấu hao công nghệ ở mức trung bình. Tuy nhiên, chi phí thu gom là vấn đề nan giải vì nó phụ thuộc nhiều đến chi phí vận chuyển với tỷ lệ tái chế bắt buộc thấp và vật liệu thu gom sẵn có thì phạm vi thu gom có thể gần; nhưng với tỷ lệ tái chế bắt buộc cao, vật liệu thu gom phân bố xa khu vực trung tâm hoặc khu vực tái chế thì chi phí vận chuyển sẽ tăng lên tương ứng. Do vậy, việc xác định chi phí thu gom trung bình sẽ rất khó khăn. Theo khảo sát của INEST, chi phí tái chế cơ bản đối với vật liệu PET là từ 17.000 đồng/kg đến 28.000 đồng/kg.

- Chi phí tái chế nâng cao là chi phí tái chế tăng thêm vào định mức chi phí cơ bản, chi phí này được xác định theo mức độ khó trong thu gom, tái chế của sản phẩm (như sử dụng nhiều vật liệu, có sử dụng màu, có nhiều chất thải nguy hại, kích cỡ của sản phẩm bao bì, công nghệ tái chế trong nước chưa đáp ứng được…). Đây cũng là yêu cầu khó trong xác định chi phí nâng cao bởi các sản phẩm, bao bì hiện nay rất phong phú về thiết kế cũng như sử dụng vật liệu và đặc biệt là các thiết kế đều chạy theo thị hiếu người tiêu dùng, có thể thay đổi thường xuyên, làm việc xác định chi phí tăng thêm sẽ tương đối phức tạp.

Cũng theo nghiên cứu của INEST, chi phí tái chế nâng cao được áp dụng cho các sản phẩm, bao bì chủ yếu phụ thuộc vào mức độ thuận lợi trong thu gom, tái chế. Tại Pháp, các chai thủy tinh có nắp phi từ tính (không phải là kim loại) bị tăng 10% chi phí, các bao bì đa lớp/đa vật liệu bị tính thêm 50% phí và trong trường hợp sản phẩm làm từ vật liệu không tái chế được hoặc chai PET màu đục với trên 4% chất độn sẽ được áp phí gia tăng đến 100%. Chi phí tái chế của nhà sản xuất đối với chai PET không màu là 200 EUR/tấn, trong khi với chai PET có màu là 470 EUR/tấn.

Phương pháp thứ hai do Liên minh tái chế bao bì Việt Nam (PRO Việt Nam) và Công ty tái chế nhựa Duy Tân đề xuất, dựa trên việc xác định: (i) định mức chi phí thu gom (với biến số liên quan đến tỷ lệ tái chế bắt buộc) cộng với (ii) định mức chi phí tái chế tối thiểu tại Nhà máy tái chế.

- Về định mức chi phí tối thiểu tại Nhà máy tái chế, cũng như phương pháp thứ nhất, đây là chi phí tái chế để đạt được quy cách tái chế tối thiểu quy định tại cột 5 Phụ lục XXII Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Công ty tái chế nhựa Duy Tân đã đưa ra một ví dụ đối với tái chế nhựa PET, chi phí tái chế này chiếm hơn 30% tổng chi phí và mức chi phí này tương đối ổn định, không có biến động nhiều (Bảng 1). Như vậy, có thể xác định định mức chi phí tái chế tại nhà máy một cách dễ dàng và đạt được sự đồng thuận cao từ phía nhà tái chế cũng như nhà sản xuất. Còn đối với chi phí thu gom thì sẽ có sự biến động lớn phụ thuộc vào khoảng cách trong thu gom. Sở dĩ chi phí thu gom PET trong báo cáo của Công ty Duy Tân cũng không có sự biến động nhiều vì lượng phế liệu PET hiện nay tương đối nhiều, có thể thu gom ở vị trí gần khu vực tái chế.

- Để rõ hơn về sự biến động trong chi phí thu gom, có thể xem xét Báo cáo của PRO Việt Nam về vấn đề này. Theo đó, đối với mỗi tỷ lệ tái chế bắt buộc thì chi phí tái chế sẽ tăng theo tỷ lệ thuận với việc tăng lên của tỷ lệ tái chế bắt buộc. Có thể thấy, với tỷ lệ tái chế bắt buộc đến 10%, tại cột thứ nhất thì chi phí tái chế của PET là 651 VNĐ/kg, chi phí này tăng lên ở các cột tiếp theo vì tỷ lệ tái chế tăng thêm 10% mỗi cột, đến cột 6 với tỉ lệ tái chế bắt buộc là 60% (đây là giả thuyết vì hiện

Bảng 1. Chi phí tái chế đối với bao bì nhựa PET năm 2022

Năm 2022	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T11	T12	Ave	Tỷ lệ %
CP thu gom, phân loại, vận chuyển VNĐ/Kg	16.000	16.000	16.500	17.300	17.850	17.950	18.000	17.700	16.500	16.500	16.900	17.200	17.033	
Tỷ lệ hao hụt	33%	32.40%	24.40%	26.60%	23.50%	35.00%	40.40%	42.70%	27.80%	38.60%	34.00%	35.00%	33%	
Tổng chi phí nguyên liệu VNĐ/Kg	21.245	21.184	20.526	21.909	22.044	24.238	25.278	25.262	21.094	22.869	22.646	23.220	22.626	66.40%
Chi phí tái chế VNĐ/Kg	9.975	10.500	10.300	9.900	10.700	9.850	10.100	10.250	11.000	11.500	10.350	9.000	10.285	30.20%
Chi phí xử lý môi trường VNĐ/Kg	1.000	1.250	1.300	950	1.150	1.050	1.450	1.230	1.140	1.230	980	1.020	1.146	3.40%
Tổng chi phí (Không lợi nhuận, lãi vay) VNĐ	32.220	32.934	32.126	32.759	33.894	35.138	36.828	3.742	33.234	35.599	33.976	33.240	34.057	
Giá nhựa PET nguyên sinh VNĐ	28.543	31.360	32.977	31.801	32.267	34.055	29.890	31.115	29.155	27.685	25.480	24.010	29.861	14%

▲ *Nguồn: Huỳnh Ngọc Thạch, CEO Công ty Tái chế nhựa Duy Tân*

nay tỷ lệ tái chế bắt buộc đối với bao bì PET là 22%) đã tăng lên 6 lần. Theo Báo cáo của PRO Việt Nam, nguyên nhân là do chi phí vận chuyển tăng vì phải tìm kiếm vật liệu ở xa khu vực tái chế với địa bàn rộng hơn. Tuy nhiên, có thể tính được là với mỗi 10% tăng thêm thì chi phí thu gom sẽ tăng lên bao nhiêu. Đối với PET thì 10% đầu tiên chi phí tái chế là 651 VNĐ/kg; 10% tiếp theo thì chi phí tái chế là 1.303 VNĐ/kg, như vậy tăng lên 200%; cũng như vậy 10% tiếp theo tăng 300% so với 10% đầu tiên; 10% tiếp theo nữa tăng 400% so với 10% đầu tiên…, do vậy có thể căn cứ vào tỷ lệ phải thu gom để xác định được một cách tương đối chính xác chi phí thu gom (Bảng 2). Đây là một phương pháp có thể cân nhắc để áp dụng, bởi nó sẽ tránh được những bất đồng trong xác định Fs vì đây là phương pháp khoa học và thực tế.

Phương pháp thứ ba: Xác định định mức chi phí tái chế trên cơ sở doanh thu và hệ số điều chỉnh do INEST đề xuất, đây là phương pháp dựa trên tỷ lệ lợi nhuận kỳ vọng và doanh thu của đơn vị tái chế, theo đó Fs vẫn phải tính đến chi phí tái chế, chi phí thu gom và xem xét đến đặc tính của vật liệu, cụ thể Fs sẽ xác định trên cơ sở tổng các định mức chi phí tái chế của từng vật liệu có trong sản phẩm (Bảng 3). Ví dụ: Nước đóng chai, nếu nhà sản xuất kê khai theo cách thu hút vật liệu, có 2 loại nhựa

Bảng 2. Định mức chi phí tái chế bao bì theo tỷ lệ tái chế bắt buộc

Tỷ lệ tái chế bắt buộc / Loại bao bì	10%	20%	30%	40%	50%	60%	70%	80%	90%	100%
Bao bì carton (VNĐ/Kg)	434	869	1.303	1.737	2.172	2.606	3.040	3.475	3.909	4.344
Bao bì giấy hỗn hợp (VNĐ/Kg)	1.334	2.669	4.003	5.338	6.672	8.006	9.341	10.675	12.009	13.344
Bao bì nhôm (VNĐ/Kg)	465	930	1.396	1.861	2.326	2.791	3.256	3.722	4.187	4.652
Bao bì sắt và các kim loại khác (VNĐ/Kg)	536	1.072	1.608	2.144	2.680	3.216	3.752	4.288	4.824	5.359
Bao bì PET cứng (VNĐ/Kg)	651	1.303	1.954	2.605	3.257	3.908	4.560	5.211	5.862	6.514
Bao bì HDPE, LDPE, PP, PS cứng (VNĐ/Kg)	886	1.772	2.658	3.544	4.430	5.316	6.202	7.088	7.973	8.859
Bao bì EPS cứng (VNĐ/Kg)	2.000	4.000	6.000	8.000	10.000	12.000	14.000	16.000	18.000	20.000
Bao bì PVC cứng (VNĐ/Kg)	1.450	2.900	4.351	5.801	7.251	8.701	10.152	11.602	13.052	14.502
Bao bì nhựa cứng khác (VNĐ/Kg)	1.088	2.176	3.264	4.352	5.440	6.528	7.616	8.704	9.792	10.880
Bao bì đơn vật liệu mềm (VNĐ/Kg)	1.116	2.233	3.349	4.466	5.582	6.699	7.815	8.931	10.048	11.164
Bao bì đa vật liệu mềm (VNĐ/Kg)	1.295	2.590	3.885	5.180	6.475	7.770	9.065	10.359	11.654	12.949
Chai, lọ, hộp thủy tinh (VNĐ/Kg)	593	1.186	1.779	2.372	2.965	3.558	4.151	4.744	5.337	5.930

▲ *Nguồn: Fausto Tazzy, Phó Chủ tịch PRO Việt Nam*

Bảng 3. Định mức chi phí tái chế được xác định trên cơ sở doanh thu

Loại bao bì / Các loại chi phí	LOẠI NGUYÊN LIỆU				
	Hạt nhựa phế PP	PE	ABS	PC	POM
Giá hạt nhựa tái sinh, VNĐ/Kg	15.000-18.000	15.000-23.000	35.000-40.000	55.000-60.000	40.000-50.000
Chi phí mua nguyên liệu	30%-40%	30%-40%	30%-40%	30%-40%	30%-40%
Chi phí điện	10%-15%	10%-15%	10%-15%	10%-15%	10%-15%
Chi phí hóa chất	-	-	-	-	-
Chi phí khác	3%	3%	3%	3%	3%
Khấu hao thiết bị	5%	5%	5%	5%	5%
Thuế	10%	10%	10%	10%	10%
Chi phí trả công lao động	10%	10%	10%	10%	10%
Chi phí vận chuyển mua nguyên vật liệu	40%	40%	40%	40%	40%
Chi phí vận chuyển bán sản phẩm	1-2%	1-2%	1-2%	1-2%	1-2%
Chi phí thuê nhà	10%	10%	10%	10%	10%
Lợi nhuận trung bình	10 - 15%				
Lợi nhuận thấp nhất có thể chấp nhập được	3 - 5%				

Nguồn: PGS.TS. Nguyễn Đức Quảng, Viện Khoa học và Công nghệ Môi trường (INEST), Đại học Bách Khoa Hà Nội

là PET và PP (do vật liệu làm nhãn mác được khai thu hút vào nắp): Khối lượng PET chiếm 80%; PP chiếm 20%, thì Fs của PET sẽ bằng 80% định mức tái chế PET cộng với 20% định mức tái chế PP. Có thể thấy, phương pháp này mới chỉ tính được chi phí tái chế trong nhà máy, việc tính chi phí thu gom sẽ được nhà tái chế cân đối trên cơ sở xác định điểm cân bằng lợi nhuận và chi phí tái chế trên thị trường để quyết định.

Với phương pháp này thì quan trọng nhất vẫn là phải xác định được tỷ lệ lợi nhuận kỳ vọng và doanh thu của đơn vị tái chế. Điều này sẽ dễ dàng được xác định theo nguyên tắc thị trường thông qua báo giá hoặc đấu thầu. Tuy nhiên, thỏa thuận về tỷ lệ lợi nhuận kỳ vọng và doanh thu, sẽ không công bằng với các cơ sở tái chế có mức độ công nghệ, sản phẩm khác nhau.

Cho dù thực hiện theo phương pháp nào, thì hiện nay, định mức chi phí tái chế vẫn đang bị chi phối bởi chi phí thu mua phế liệu, nhằm phục vụ hệ thống thu gom tư nhân hiện có. Đây là điểm khác biệt của Việt Nam so với các hệ thống EPR tại các quốc gia khác, đặc biệt là châu Âu (EU). Trong giai đoạn đầu tiên thực hiện cơ chế EPR, định mức chi phí tái chế vẫn nên xem xét đến cơ cấu giá thành thu mua phế liệu để đảm bảo về mặt an sinh xã hội, sự duy trì của hệ thống thu gom. Khi hệ thống phân loại, thu gom chất thải tại nguồn được xây dựng ở các địa phương theo quy định của Luật, sẽ có sự điều chỉnh liên quan đến chi phí thu mua phế liệu của nhà tái chế.

Một vấn đề nan giải khác chính là xác định chi phí vận chuyển trong tổng giá cả tái chế. Trong một khu vực nhất định thì giá thành vận chuyển sản phẩm, bao bì tái chế là khá cố định và theo khung giá vận chuyển của thị trường. Khi muốn gia tăng lượng tái chế thì có thể phải mở rộng địa bàn thu gom và từ đó, giá thành vận chuyển có thể cao hơn. Để giải quyết vấn đề này, có thể tham khảo phương pháp thứ hai để đạt được sự đồng thuận cao từ nhà tái chế, nhà thu gom và các nhà sản xuất, nhập khẩu. Tuy nhiên, cũng cần phải tham khảo cách tính chi phí tái chế nâng cao theo phương pháp tính thứ nhất để bảo đảm mục tiêu cao nhất của EPR■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Nghiên cứu, khảo sát và đề xuất ban đầu về định mức chi phí tái chế Fs cho sản phẩm, bao bì, 2022, PGS. TS. Nguyễn Đức Quảng, Viện Khoa học và Công nghệ Môi trường (INEST), Đại học Bách khoa Hà Nội.

2. A fact-based proposal for calculating efficient & effective EPR fees to stimulate circular economy models for post-consumed packaging in Vietnam, 2022, Fausto Tazzi, Phó Chủ tịch Liên minh Tái chế bao bì Việt Nam.

3. Chi phí tái chế nhựa, 2022, Huỳnh Ngọc Thạch, Công ty Nhựa tái chế Duy Tân.

4. EPR's Fee structure, 2022, Recommendation, 2022, Pimkarn Eg-karntrong, Công ty TNHH Lon nước giải khát TBC-Ball Việt Nam.

5. Dây chuyền khép kín sản xuất hạt - bột - gạch - cao su tái sinh từ lốp xe phế thải, 2022, Nguyễn Văn Thanh, Công ty TNHH Tái chế cao su Long Long.